

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 141/UBND-KT ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Công văn số 01/CV-GMS ngày 17/01/2025 của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 94/TTr-STNMT ngày 22/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn,

tỉnh Sơn La với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế đảm bảo an toàn xây dựng, an toàn khai thác, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ trong quá trình hoạt động; có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Chủ tịch UBND xã Mường Bon, huyện Mai Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần gạch Mai Sơn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHAI THÁC MỎ ĐẤT SÉT LÀM GẠCH, NGÓI TẠI BẢN BON,
XÃ MƯỜNG BON, HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án**1.1. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án: Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Địa điểm thực hiện dự án: Bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần gạch Mai Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: Bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.
- Vị trí, tọa độ, diện tích khu vực khai thác:

Tọa độ các điểm khép góc khu vực thực hiện Dự án

Điểm góc	Hệ tọa độ VN2000, Kinh tuyến trực 104 ⁰⁰ ', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	2.348.840,30	506.108,93
2	2.348.858,00	506.123,00
3	2.348.925,00	506.196,00
4	2.349.020,00	506.246,00
5	2.349.082,00	506.114,00
6	2.349.021,00	506.005,00
7	2.348.940,00	505.982,00
8	2.348.900,70	505.962,08
Diện tích: 4,08 ha		

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích dự án là 4,08ha, toàn bộ là khu vực khai thác đất sét (diện tích này Chủ dự án đã trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh).
- Phương pháp khai thác, công suất khai thác: Khai thác đất sét bằng phương pháp lộ thiên, áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp kết hợp lớp xiên xúc chuyển. Công suất khai thác 30.000 m³/năm (nguyên khối).
- Tuổi thọ mỏ: 29 năm (bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ, khai thác và đóng cửa mỏ).

1.3. Công nghệ sản xuất (*công nghệ khai thác*)

- Dự án áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng, vận tải trực tiếp kết hợp lớp xiên xúc chuyển, cụ thể:

+ Hệ thống khai thác lớp xiên, xúc chuyển được áp dụng với phần trữ lượng từ mức +565m trở lên. Đất trên tầng được máy xúc cày xới, xúc đổ xuống chân tuyến mức +565m. Dưới chân tuyến, đất được máy xúc xúc lên ô tô chở về bãi trữ.

+ Hệ thống khai thác lớp bằng, vận tải trực tiếp được áp dụng từ mức +565m trở xuống. Đất được máy xúc cày xới, xúc đổ thẳng lên ô tô chở về bãi trữ.

+ Khai trường được phát triển theo hướng từ Nam đến Bắc. Trình tự khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, hết lớp này tới lớp khác cho tới hết biên giới khai trường.

Các thông số cơ bản của hệ thống khai thác

TT	Tên thông số HTKT	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	H	m	7,5
	Chiều cao phân tầng dưới	H ₁	m	2 ÷ 3
	Chiều cao phân tầng trên	H ₂	m	4,5 ÷ 5,5
2	Chiều cao tầng kết thúc	H _{kt}	m	7,5
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	α	độ	50
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	α_{kt}	độ	50
5	Góc nghiêng bờ công tác (<i>lớp xiên/ lớp bằng</i>)	γ_{ct}	độ	$\leq 34 / 0$
6	Góc nghiêng bờ kết thúc (<i>bờ mỏ</i>)	Γ	độ	≤ 39
7	Chiều rộng dải khẩu	A	m	12 ÷ 14
8	Chiều rộng mặt tầng bảo vệ	B _{bv}	m	3,0
9	Khoảng cách an toàn đến mép tầng	C	m	2,0
10	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu (<i>lớp xiên/lớp bằng</i>)	B _{ctmin}	m	14,0 / 18,0
11	Chiều dài tuyến công tác tối thiểu	L _{ct}	m	60 ÷ 180

- Công nghệ chế biến: Dự án không tiến hành hoạt động chế biến.

- Sản phẩm đầu ra: Đất sét làm gạch, ngói.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Không bố trí các hạng mục công trình trong phạm vi Dự án. Các hạng mục công trình phụ trợ sử dụng chung với cơ sở Nhà máy sản xuất gạch tuynel Mường Bon (*cùng chủ đầu tư là Công ty cổ phần gạch Mai Sơn*).

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống rãnh thu gom, thoát nước mưa chảy tràn, ao lắng và hệ thống phun sương dập bụi.

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở: Thi công tuyến đường công vụ lên mức +600m; thi công tạo diện khai thác đầu tiên; thi công bãi xúc chân tuyến; thi công đào ao lắng.

- Hoạt động khai thác đất sét: Xúc cày xới đất; xúc bốc đất lên xe vận tải; vận chuyển đất về Nhà máy sản xuất gạch tuynel Mường Bon.

- Hoạt động kết thúc khai thác, cải tạo phục hồi môi trường, đóng cửa mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 1,12753 ha đất rừng phòng hộ, là yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

a) Các hoạt động của dự án

- Công tác giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục thuê đất, phát quang thảm thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng cơ bản mở.

b) Tác động đến môi trường: Nước mưa chảy tràn; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động san gạt mặt bằng; hoạt động của máy móc thiết bị thi công và các sự cố trong quá trình thi công.

2.2. Giai đoạn hoạt động

a) Các hoạt động của dự án: Hoạt động khai thác đất sét (*phương pháp khai thác mở lộ thiên*); hoạt động xúc bốc, vận chuyển đất sét về Nhà máy sản xuất gạch tuynel Mường Bon.

b) Các tác động môi trường

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình khai thác đất bằng phương pháp lộ thiên, từ quá trình xúc đất lên ô tô vận chuyển, quá trình vận chuyển đất.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị khai thác lộ thiên.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

- Tác động không liên quan đến chất thải: tiếng ồn, độ rung,...

- Các sự cố trong quá trình khai thác: Tai nạn lao động; sự cố do thiên tai, sạt lở, sụt lún; sự cố tai nạn giao thông khu vực,...

2.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Tiếng ồn, độ rung, bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động tháo dỡ các công trình không còn sử dụng; củng cố bờ moong; san gạt, trồng cây; vận chuyển đất hoàn thổ, cải tạo phục hồi môi trường.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng: Không phát sinh.

- Nước mưa chảy tràn lớn nhất qua khu vực thi công khoảng 467,5 m³/ngày.đêm (tính cho lưu lượng nước mưa lớn nhất trong năm, phụ thuộc vào điều kiện thời tiết), thành phần chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), đất, cát, rác...

b) Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Không phát sinh.

- Nước từ hệ thống phun sương dập bụi khoảng 3 m³/ngày.đêm, chủ yếu sẽ bay hơi và thấm vào đất, không phát thải ra môi trường xung quanh.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng 467,5 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chứa chất rắn lơ lửng, đất, cát, cành lá cây,...

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nước thải sinh hoạt: Không phát sinh.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng 467,5 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu là chứa chất rắn lơ lửng, đất, cát, cành lá cây,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải từ hoạt động của các máy móc trong quá trình san ủi, phát quang thảm thực vật; bụi, khí thải phát sinh từ quá trình bốc xúc, san gạt thi công tuyến đường công vụ, vận chuyển đất sét về khu vực lưu trữ của Nhà máy sản xuất gạch tuynel Mường Bon.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, VOC,...

b) Giai đoạn vận hành

- Nguồn phát sinh: Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc đất khai thác lộ thiên; bụi, khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển đất sét về Nhà máy sản xuất gạch tuynel Mường Bon; khí thải phát sinh từ phương tiện, thiết bị khai thác.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, VOC...

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Bụi, khí thải phát sinh trong hoạt động vận chuyển đất phủ; bụi phát sinh từ hoạt động san gạt, bốc xúc; khí thải phát sinh từ phương tiện, thiết bị thi công.

- Tính chất (*thông số ô nhiễm đặc trưng*): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn sinh hoạt: Không phát sinh trong 3 giai đoạn: Giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn vận hành; giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Sinh khối thực vật từ hoạt động phát quang khoảng 1,98 tấn.

- Khối lượng đất bóc phát sinh trong quá trình thi công: 1.926 m³.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Không phát sinh.

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô (*khối lượng*) của chất thải nguy hại: Không phát sinh trong 3 giai đoạn: Giai đoạn thi công xây dựng; giai đoạn vận hành; giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Máy móc, thiết bị thi công xây dựng, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển đất sét.

- Khu vực phát sinh: Tại moong khai thác và khu vực thi công xây dựng cơ bản mỏ.

- Thời gian: Trong suốt thời gian thi công xây dựng (*khoảng 0,5 tháng*).

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Máy móc, phương tiện khai thác; phương tiện vận chuyển đất sét về nhà máy.

- Khu vực phát sinh: Tại khai trường mỏ, tuyến đường vận chuyển đất sét về nhà máy.

- Thời gian: Trong suốt thời gian khai thác.

3.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ

- Nguồn phát sinh: Máy móc, phương tiện thi công cải tạo phục hồi môi trường, vận chuyển đất phủ trồng cây.

- Khu vực phát sinh: Toàn bộ khu vực dự án.

- Thời gian: Trong suốt thời gian đóng cửa mỏ (03 tháng).

3.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế, xã hội; tác động tới hệ sinh thái, cảnh quan khu vực,...
- Tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố do thiên tai, sạt lở, sụt lún, sạt lở bờ moong khai thác; sự cố tai nạn giao thông trong khu vực,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước chiều dài khoảng 53m (*kích thước rãnh nước: rộng mặt 1,0m × rộng đáy 0,4m × sâu 0,4m, kết cấu nền đất tự nhiên*), ao lắng có diện tích 630m² (*dung tích 1.890 m³, kết cấu nền đất đầm chặt*). Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → mương thoát nước → ao lắng → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (*một phần dẫn vào ao nước diện tích 1.403m² của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn thuê để chứa nước phục vụ tưới ẩm, phần còn lại chảy ra rãnh thoát nước mưa chung của khu vực*). Bùn cặn từ ao lắng và mương thoát nước thường xuyên được nạo vét định kỳ 01 lần/tháng và sử dụng để trồng cây trong khu vực dự án.

b) Giai đoạn hoạt động

Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống mương thoát nước và ao lắng khu vực khai trường, bãi xúc chân tuyến và dọc tuyến đường công vụ (*hệ thống thu gom thường xuyên được sử dụng trong giai đoạn khai thác Dự án*). Rãnh thoát nước kích thước: rộng mặt 1,0m × rộng đáy 0,4m × sâu 0,4m, kết cấu nền đất tự nhiên, ao lắng có diện tích 630m² (*dung tích 1.890 m³, kết cấu nền đất đầm chặt*). Quy trình thực hiện: Nước mưa chảy tràn → các tầng khai thác → rãnh thu nước → ao lắng → Tái sử dụng tưới ẩm hoặc chảy ra hệ thống thoát nước chung (*một phần dẫn vào ao nước diện tích 1.403m² của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn thuê để chứa nước phục vụ tưới ẩm, phần còn lại chảy ra rãnh thoát nước mưa chung của khu vực*). Bùn cặn từ ao lắng và mương thoát nước thường xuyên được nạo vét định kỳ 01 lần/tháng và sử dụng để trồng cây trong khu vực dự án.

Thông số rãnh thoát nước mưa của dự án trong giai đoạn hoạt động

TT	Năm kết thúc khai thác	Chiều dài rãnh thoát (m)	Kết cấu
1	Năm thứ 1	415,2	Rãnh đất kích thước: rộng mặt 1,0m × rộng đáy 0,4m × sâu 0,4m
2	Năm thứ 2	406,0	
3	Năm thứ 5	394,2	

TT	Năm kết thúc khai thác	Chiều dài rãnh thoát (m)	Kết cấu
4	Năm thứ 10	345,6	
5	Năm thứ 15	450,3	
6	Năm thứ 20	416,0	

Nước từ hệ thống phun sương dập bụi sẽ bay hơi và thấm vào đất, không phát thải ra môi trường xung quanh.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Duy trì các biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn đến khi kết thúc giai đoạn đóng cửa mỏ.

4.1.2. Thu gom và xử lý khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Khai thác theo hình thức cuốn chiếu và thực hiện trong thời gian ngắn nhất; khi xúc bốc lên xe để vận chuyển phải đúng tải trọng và phủ bạt che kín thùng xe.

- Thường xuyên phun nước dập bụi, làm ẩm tại tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu tần suất 04 lần/ngày vào ngày hanh nắng đảm bảo không phát tán bụi ra xung quanh và khuôn viên dự án.

- Các thiết bị thi công phải thường xuyên được bảo dưỡng, đảm bảo vận hành hiệu quả và giảm thiểu phát sinh bụi. Các phương tiện vận chuyển có đăng ký, đạt các yêu cầu kỹ thuật, không chở quá tải trọng cho phép của xe.

- Trong quá trình thi công, trường hợp kết cấu hạ tầng giao thông khu vực bị hư hỏng do hoạt động của dự án, Chủ dự án phải hoàn trả lại mặt bằng theo đúng hiện trạng đảm bảo tuyến đường đi lại ổn định cho dân sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn hoạt động

- Khu vực khai thác: Khai thác tuân thủ theo đúng quy trình; hạn chế khai thác vào những ngày có gió lớn, trường hợp cần thiết phải bố trí bơm lưu động, phun tưới ẩm khu vực khai thác; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và yêu cầu công nhân sử dụng khi làm việc trên công trường; đất đổ lên thùng xe luôn đảm bảo thấp hơn thành xe từ 0,5m - 0,7m để đảm bảo không rơi vãi ra ngoài,...

- Tuyến đường vận chuyển từ khu khai thác về nhà máy: Đầu tư hệ thống phun sương để dập bụi dọc tuyến đường công vụ với chiều dài khoảng 285m (*chiều dài có thể thay đổi theo từng giai đoạn khai thác*), cách 3m có 01 đầu phun sương. Hệ thống phun sương dập bụi theo các giai đoạn khai thác như sau: Năm thứ nhất chiều dài khoảng 285m; năm thứ 2 chiều dài khoảng 267m; năm thứ 5 chiều dài khoảng 242m, năm thứ 10 chiều dài khoảng 217m; năm thứ 15 chiều dài khoảng 212m; năm thứ 20 chiều dài khoảng 169m.

- Đối với những xe vận chuyển đất, khi di chuyển phải có vải bạt che chắn cẩn thận, vào những ngày hanh nắng cần giảm tốc độ khi di chuyển.

- Trồng cây quanh khu vực dự án nhằm hạn chế ảnh hưởng của bụi, tạo cảnh quan môi trường.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

c) Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Duy trì các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

a) Giai đoạn xây dựng

- Sinh khối thực vật từ hoạt động phát quang: Được thu gom, phơi khô và phục vụ làm nguyên liệu đốt.

- Khối lượng đất bóc phát sinh trong quá trình thi công: Được sử dụng làm nguyên liệu sản xuất gạch tuynel.

b) Giai đoạn hoạt động và giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Không bố trí công trình thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Thực hiện quản lý chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Tổ chức thi công hợp lý (có tiến độ thi công đối với từng hạng mục công

trình, thực hiện việc giám sát thi công chặt chẽ).

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc theo định kỳ.

- Không tiến hành các hoạt động thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống của cộng đồng dân cư xung quanh. Thời gian thi công hoạt động từ 6h00' - 11h30' và 13h- 18h.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*hoặc các quy chuẩn mới thay thế*).

4.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Chỉ vận hành các thiết bị khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật. Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian khai thác.

- Tiến hành chia ca, bố trí khai thác vào ban ngày, không thực hiện khai thác ban đêm để giảm tiếng ồn, giảm thiểu tác động tới sinh hoạt cuộc sống cộng đồng dân cư khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực thực hiện dự án để hạn chế lan truyền tiếng ồn.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (*hoặc các quy chuẩn mới thay thế*).

4.3.3. Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ: Duy trì các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án được lựa chọn: ***“Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi; san gạt khu vực mặt tầng bờ mỏ và đáy moong, bổ sung đất màu, trồng cây (keo lá tràm), sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý”***.

Sau khi kết thúc khai thác khu vực khai trường có diện tích 40.800m² (*diện tích đo tại bản đồ kết thúc khai thác mỏ*) trong đó: đáy mỏ có diện tích 24.292,4m², bờ mỏ có diện tích 16.507,6m².

- Khu vực sườn tầng (*bờ mỏ*): Bờ mỏ có diện tích 16.507,6m² (*trong đó mặt tầng có diện tích là 5.098,2 m² và các sườn tầng có diện tích là 11.409,4 m²*). Khu vực sườn tầng trong quá trình khai thác đã tạo độ dốc an toàn theo thiết kế để cỏ mọc tự nhiên. Khu vực mặt tầng được san lấp bằng đất phủ dày 0,35m với khối lượng đất phủ 1.784,4m³ (*khối lượng đất phủ được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy*

định), trồng cây Keo lá tràm với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây 0,3×0,3×0,3m, tổng số cây cần trồng 848 cây.

- Khu vực đáy mỏ:

+ Tiến hành san lấp bằng đất phủ dày 0,35m với diện tích 24.292,4m², khối lượng đất phủ 8.502,3m³. Đối với ao lắng: Thực hiện san lấp vào cuối giai đoạn phục hồi môi trường, khối lượng đất san lấp 1.890m³. Tổng khối lượng đất phủ là 10.392,3m³ (khối lượng đất san lấp được mua tại các mỏ đảm bảo theo đúng quy định).

+ Trồng cây keo lá tràm trên toàn bộ khu vực đáy mỏ với mật độ khoảng 1.667 cây/ha, kích thước hố trồng cây 0,3×0,3×0,3m, tổng số cây cần trồng 4.050 cây.

- Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi.

- Xử lý chất thải phá dỡ theo đúng quy định.

- Nạo vét hệ thống thoát nước trên mặt bằng khu mỏ tần suất thực hiện 02 lần trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường.

- Đo vẽ địa hình hoàn thổ: Chủ dự án tiến hành đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đối với diện tích các khu vực đã tiến hành cải tạo phục hồi môi trường của dự án với tổng diện tích 4,08 ha.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
1	Khu vực đáy mỏ			Sau khi kết thúc khai thác
-	Chi phí san gạt	100 m ³	85,023	
-	Chi phí trồng cây	ha	2,42924	
-	Chi phí mua đất phủ	m ³	8.502,3	
-	Chi phí vận chuyển đất phủ	100 m ³	103,92	
-	San gạt ao lắng	m ³	1.890	
2	Khu vực sườn tầng (bờ mỏ)			
-	Chi phí san gạt	100 m ³	17,844	
-	Chi phí trồng cây	ha	0,50982	
-	Chi phí vận chuyển đất phủ	100 m ³	17,844	
-	Chi phí mua đất phủ	m ³	1.784,4	
3	Tháo dỡ hệ thống phun sương dập bụi	Công	5	
4	Di chuyển máy móc	Công	5	
5	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000	100ha	0,0408	

b) Tiến độ thực hiện: Sau khi mở đất sét kết thúc quá trình khai thác sẽ tiến hành thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường trong thời gian 03 tháng và tiếp tục theo dõi chăm sóc cây trồng trong 02 năm tiếp theo. Sau phục hồi môi trường sẽ bàn giao cho chính quyền địa phương quản lý.

c) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo phục hồi môi trường là **1.411.343.816 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm mười một triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

- Chủ dự án thực hiện ký quỹ như sau

+ Số lần ký quỹ là 29 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 15% tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá), cụ thể: **211.701.572 đồng** (Bằng chữ: Hai trăm mười một triệu, bảy trăm linh một nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng).

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là **42.844.366 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm sáu mươi sáu đồng).

Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ. Tiền ký quỹ được hưởng lãi suất bằng lãi suất cho vay của quỹ bảo vệ môi trường nơi ký quỹ và được tính từ thời điểm ký quỹ.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ

+ Thời điểm ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Thời điểm ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại các Điều 122, 124, 125 và 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động: Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân và tổ chức tập huấn về an toàn lao động trong quá trình khai thác; máy móc, thiết bị vận tải phải được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ.

b) Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ: Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

c) Phòng chống sự cố sụt lún, sạt lở

- Trong quá trình khai thác luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố liên quan đến xói mòn, sạt trượt bờ moong. Chủ dự án phải thường xuyên theo dõi các sườn tầng, mặt tầng để kịp thời phát hiện và xử lý các vị trí xung yếu, đảm bảo an toàn tối đa cho quá trình khai thác.

- Khai thác theo đúng quy trình. Tại những nơi nguy hiểm, Chủ dự án sẽ có các biển báo đề phòng sạt lở đất từ trên các sườn dốc xuống, đảm bảo an toàn cho công nhân trong quá trình khai thác.

- Xây dựng hệ thống thoát nước để ngăn tốc độ dòng chảy của nước mưa chảy tràn tránh tác động tiêu cực tới môi trường xung quanh khu vực mỏ. Sau mỗi trận mưa bão phải kiểm tra tình trạng kỹ thuật, an toàn khai trường và máy móc thiết bị, nếu các thiết bị liên quan tới an toàn lao động sản xuất có hư hỏng, sự cố phải tiến hành công tác sửa chữa.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý

- Thực hiện các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công cũng như khi dự án đi vào hoạt động khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động, phòng chống sự cố tại công trường trong giai đoạn thi công và quá trình hoạt động.

- Giám sát và buộc các chủ phương tiện thi công phải thực hiện theo đúng các phương án giảm thiểu bụi, tiếng ồn, an toàn lao động... đã đề ra.

- Lập kế hoạch và triển khai công tác quan trắc môi trường theo định kỳ và khi có yêu cầu của các cơ quan chức năng.

- Dự án phải chấp hành nghiêm chỉnh công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng về môi trường.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn vận hành (theo đề xuất của Chủ dự án)

- Số lượng mẫu: 02 mẫu;

- Vị trí lấy mẫu

+ Khu vực moong khai thác.

+ Khu vực tuyến đường di chuyển thiết bị.

- Chỉ tiêu phân tích: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP).

- Tần suất: 01 lần/năm.

- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
- + QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung.

5.2.2. Giám sát khác

- a) Giám sát xói mòn, sạt lở, sụt lún moong khai thác
 - Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn khai thác.
 - Vị trí giám sát: Moong khai thác đất sét.
 - Nội dung giám sát: Duy trì giám sát xói mòn, trượt lở đất, sụt lún bờ moong khai thác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b) Giám sát tai biến và sự cố môi trường
 - Tần suất giám sát: Khi xảy ra sự cố môi trường.
 - Vị trí giám sát: Khu vực Dự án.
 - Nội dung giám sát: Giám sát tai biến và sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c) Giám sát hệ thống thoát nước: Giám sát khả năng thu và tiêu thoát nước của hệ thống rãnh thu thoát nước; khả năng lưu giữ nước của ao lắng; khối lượng bùn lắng cặn trong hệ thống thoát nước.
 - Vị trí giám sát: Mương thu thoát nước, ao lắng.
 - Tần suất giám sát: Hàng ngày.
- d) Giám sát sức khỏe và an toàn lao động: Ngoài việc đóng bảo hiểm cho công nhân, Chủ dự án sẽ tổ chức giám sát sức khỏe cho người lao động, từ đó phát hiện các bệnh tật để có thể chữa trị kịp thời. Kiểm tra thường xuyên việc chấp hành các hướng dẫn kỹ thuật, nội quy vận hành thiết bị, quy định về an toàn lao động và phòng chống cháy nổ trong hoạt động khai thác.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

6.1. Yêu cầu UBND huyện Mai Sơn

Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với UBND xã Mường Bon giám sát thường xuyên, liên tục hoạt động sản xuất, việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, việc thu gom, xử lý chất thải phát sinh từ quá trình khai thác đối với Dự án Khai thác mỏ đất sét làm gạch, ngói tại bản Bon, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La của Công ty cổ phần gạch Mai Sơn. Thực hiện chế độ báo cáo với UBND tỉnh (*qua Sổ Tài nguyên và Môi trường*) định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

6.2. Yêu cầu Công ty cổ phần gạch Mai Sơn có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Chỉ được phép triển khai Dự án khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Được cơ quan quản lý nhà nước cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, bàn giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- + Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- + Thiết kế cơ sở và các công trình bảo vệ môi trường trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho ý kiến.

- + Được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; thuê đất theo đúng các quy định của pháp luật;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng và vận hành Dự án; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định hiện hành khác.

- Tiến hành trồng cây bổ sung xung quanh các công trình, dọc các tuyến đường dân sinh cạnh nhà máy và khu đất trống nhằm tạo cảnh quan môi trường, hạn chế khả năng lan truyền bụi, rửa trôi và xói mòn do mưa bão và lũ quét.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến khai thác đất; tuân

thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, giao thông; vệ sinh công nghiệp; phòng chống cháy nổ; sụt lún, trượt lở đất; phòng chống mưa bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các công trình bảo vệ môi trường tại khu vực mỏ nhằm hạn chế các sự cố mất an toàn và môi trường có thể xảy ra; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các sự cố trên phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng năm lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 của năm báo cáo*) gửi đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mai Sơn trước ngày 15/01 của năm tiếp theo.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế trong hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.